

VỀ MỘT SỐ LỚP TƯỢNG CỦA NGÔI NHÀ MỒ GIA-RAI ARÁP TRUNG BÀY TẠI BẢO TÀNG DÂN TỘC VIỆT NAM

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

Từ đầu thế kỷ XX, tượng mô Gia-rai đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều học giả người Pháp khi họ đặt chân đến Tây Nguyên. Những công trình nghiên cứu của Giắc Đuốc(1) được coi là nguồn tư liệu đầu tiên viết về tượng mô. Thông qua việc nghiên cứu tại thực địa ông đưa ra những giải thích về ý nghĩa của tượng mô nhưng chưa thật đầy đủ và chi tiết. Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, người thành công trong việc nghiên cứu nhà mồ và tượng mô phải kể đến tiến sĩ Ngô Văn Doanh với một chuyên khảo dày dặn khá đầy đủ về tượng mô của hai dân tộc Gia-rai và Ba-na (2), ngoài ra một số nhà nghiên cứu mỹ thuật, nghiên cứu lịch sử, dân tộc học, mỗi người một cách tiếp cận nhằm đưa ra những thông tin trung thực, chính xác, những ý nghĩa khác nhau của lớp tượng mô. Tuy nhiên, việc đi sâu lý giải ý nghĩa từng lớp mỗi mô của từng nhóm dân tộc địa phương dường như chưa được chú ý, công việc đó còn để ngỏ cho người nghiên cứu sau tiếp tục hoàn thiện.

Trong chuyên đề trưng bày “Tương đồng văn hoá - nghệ thuật trang trí dân gian các dân tộc thuộc hai nhóm ngôn ngữ Tày-Thái và Nam Đảo” tổ chức vào tháng 12 năm 1998, chúng tôi có sưu tầm ngôi nhà mồ của nhóm Gia-rai Aráp tại huyện Chư Pah tỉnh Gia Lai trưng bày tại khu ngoài trời của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Thông qua việc tìm hiểu tại thực địa, so sánh kết hợp với những nguồn tài liệu của các nhà dân tộc học đi trước, chúng tôi mong muốn đưa ra những tư liệu về hệ thống tượng và điêu khắc tượng gỗ của ngôi nhà mồ thuộc nhóm Gia-rai Aráp, nhằm góp phần giúp cho những ai quan tâm nghiên cứu và du khách có thêm hiểu biết về một công trình hiện đang phục vụ công chúng.

1. Giới thiệu về ngôi nhà mồ ở Bảo tàng

Ngôi nhà mồ hiện đang trưng bày theo tiếng Gia-rai là *Xát-char* (nhà mồ vẽ) thuộc nhóm Gia-rai Aráp, được sưu tầm tại làng Mrông, xã Iaka, huyện Chư Pah tỉnh Gia-Lai, do 5 thợ địa phương là người dân tộc Gia-rai, do nghệ nhân Rơ Chom Uek 68 tuổi, làm trưởng nhóm tạo dựng. Về hình dáng bên ngoài, đây là kiểu nhà trệt, hình chữ nhật, hai mái chính hình thang cân, đều có phên đan bằng nan lồ ô phủ lên trên, hai mái này được vẽ hoa văn trang trí. Phía hai đầu nóc nhà có bộ phận khâu-cút hình cây rau dớn vểnh lên. Nhà mồ có chiều dài 8,00m, chiều rộng 2,30m, cao 2,50m, phía ngoài song song với bức vách là hàng rào cao 0,80-0,85m dựng bằng gỗ tròn chôn sát vào nhau, nếu tính cả hàng rào bao quanh thì diện tích khoảng 45-55m². Phía trong ngôi nhà mồ có một số ít đồ tùy táng như: chén bị đập thủng đáy (theo quan niệm của người Gia-rai, đồ tùy táng vỡ ở trên dương lại là lành nạn đối với âm) được chôn chìm xuống đất chỉ để hở phần cổ miệng, một ít vỏ bầu, một vài chiếc gùi và hai bộ dụng cụ dệt, dụng cụ làm rẫy: dao, rìu, cuốc rẫy cỏ. Phần ngoài cùng của chính diện ngôi nhà (mặt phía đông) có một gian tế bằng gỗ. Tại hàng rào phía đông có hai cửa để người sống vào thăm nom nhà mồ. Phía ngoài cùng của hàng rào, mặt phía tây ngôi nhà có chôn 8 cột để buộc trâu bò (*gàng*) trong lễ bỏ mả, mỗi cột đều có dây để buộc vào cổ con vật bị hiến sinh. Đây là ngôi nhà mồ được làm với quy mô tương đối lớn và là ngôi nhà mồ của người khá giả trong xã hội, trên thực tế với diện tích như vậy, người Gia-rai có thể làm mộ táng cho 30-35 người chết. Phần độc đáo và hấp dẫn nhất phải kể đến 27 tượng gỗ bao quanh ngôi nhà mồ sẽ được chúng tôi đề cập trên 3 lĩnh vực: kỹ thuật điêu tượng, tính nghệ thuật thể hiện trong tượng mô, tên gọi và ý nghĩa của một vài lớp tượng.

2. Kỹ thuật đẽo tượng nhà mồ

Theo quá trình dựng nhà mồ, để tiến hành nghi lễ bỏ mả, việc đầu tiên của người chủ hộ là đẽo tượng mồ. Ví dụ một ngôi nhà mồ dự định bỏ vào tháng 3 trong năm, thì từ tháng 1 năm đó người chủ hộ đã bắt đầu kiếm gỗ đẽo tượng. Ở những ngôi nhà mồ to đẹp, bề thế trước đây, cột tượng thường được làm bằng loại gỗ tốt như gỗ cây hương, cây cà- chít. Trên đường đi dã tại xã Biển Hồ, thị xã Playcu chúng tôi đã gặp những cột tượng bỏ từ năm 1967, cho đến nay, tuy nhà mồ không còn nữa, nhưng những cột tượng vẫn tồn tại. Do yêu cầu, ngôi nhà mồ của người Gia-rai Aráp khi dựng tại khu trung bày ngoài trời phải bảo đảm tính bền vững, vì vậy cột tượng được đẽo bằng gỗ tốt là gỗ cà- chít, tuy nhiên gỗ đẽo tượng này không được khai thác trong tự nhiên mà mua tại lâm trường. Vì hiện nay rừng thưa dần do nhiều nguyên nhân: chiến tranh, khai thác không hợp lý, do tập quán đốt rừng canh tác rẫy, những loại gỗ tốt theo đó mà cạn kiệt, người dân không thể kiếm được gỗ tốt. Trên thực tế trong những năm gần đây hầu hết những ngôi nhà mồ khi tiến hành bỏ mả, người Gia-rai sử dụng các loại gỗ tạp, để đẽo tượng, phổ biến là gỗ cây gạo(ơ-lang), vì loại gỗ này mọc nhiều ở vùng người Gia-rai sinh sống, dễ tìm ở xung quanh làng. Theo kinh nghiệm địa phương những cây hương, cây cà-chít có độ tuổi trên 10 năm mới đủ tiêu chuẩn để đẽo tượng vì hai loại cây này phân cành sớm, độ dài của cây nếu chưa đủ tuổi trưởng thành thì không đáp ứng được những yêu cầu của việc đẽo tượng. Những cây gỗ được chọn có độ dài hơn 2 sải tay(1sải =160cm), đường kính lõi khoảng 30 cm. Người Gia-rai dùng rìu, đốn cây, khi đốn xong người ta vận chuyển bằng cách dùng trâu kéo cây từ trong rừng về buôn làng. Việc khai thác gỗ để đẽo tượng có kiêng kỵ, nếu đêm ngủ họ mơ thấy nhà cháy, bến nước cạn kiệt thì sáng hôm sau sẽ hoãn lại việc lấy gỗ, trong khi đi vào rừng lấy gỗ nếu gặp rắn bò ngang qua đường thì họ quay về ngay, người ta cho đó là điềm không lành, dễ có chuyện xấu xảy ra.

Gỗ đẽo tượng được kéo về dựng tại nghĩa địa của làng, bên cạnh ngôi nhà mồ sắp bỏ mả, trước khi đẽo tượng mồ, người Gia-rai có cúng thần nhà rông(*yang rôông*), thần bến nước(*yang ia*), xin phép đẽo tượng mồ cho người chết ở trong làng, lễ cúng thường được mổ lợn làm vật hiến sinh. Dụng cụ đẽo tượng hữu hiệu và thông dụng nhất là chiếc rìu (*jong*), dụng cụ có một đầu lưỡi sắc, một đầu lưỡi tù, cán được tra bằng một thanh gỗ dài. Một loại dụng cụ nữa là cây chà-gạc (loại dao đa năng thông dụng của người Gia-rai) dùng để sửa lại các chi tiết trên mặt tượng. Trong thời gian gần đây phong cách tượng nhà mồ thay đổi, kéo theo những biến đổi về kỹ thuật đẽo tượng. Từ chỗ truyền thống không quan tâm đến thể hiện chi tiết mỹ mỹ, chỉ sử dụng mảng khối trên một thân gỗ cố định, người đẽo chuyển sang xu thế hiện đại thiên về tả thực, gọt đẽo các chi tiết (mắt, mũi, miệng, chân, tay), loại tượng cũng đa dạng hơn trước, mất đi tính mộc mạc nguyên sơ của kiểu tượng truyền thống. Trong một làng của người Gia-rai chỉ có một vài người già biết đẽo tượng đẹp (theo quan niệm của người Gia-rai) và biết làm cho tượng phong phú về mặt loại hình. Theo phong tục của người Gia-rai, thì những người đàn ông chủ hộ thường đẽo tượng cho người chết thuộc gia đình mình, nhưng nhiều trường hợp vì không tin vào khả năng đẽo tượng của bản thân nên họ thường nhờ những người già trong làng có kinh nghiệm và kỹ thuật đẽo giúp. Người Gia-rai không có số đo chuẩn cho mỗi bức tượng định đẽo, người ta lấy đơn vị đo là sải(*to-pa*) để làm ước lượng. Một bức tượng thường được tính bằng 1 sải rưỡi, 1/2 sải được chôn ở dưới đất là cột chính(*byuh*) của hàng rào, 1sải còn lại vừa là phần cột chính nhô lên khỏi mặt đất, phần trên cùng là thân tượng(*phun*) như thoát ra khỏi cột gỗ đó. Địa điểm đẽo tượng được tiến hành tại khu nghĩa địa, kê ngay sát ngôi nhà mồ chuẩn bị dựng làm lễ bỏ mả. Trong khi đẽo tượng người có kinh nghiệm hơn truyền đạt kỹ thuật, kỹ năng và cách thức đẽo tượng cho người ít kinh nghiệm. Họ không hề giữ bí quyết nào trong cách truyền nghề tạc

tượng, những bức tượng trở thành đẹp lại phụ thuộc chính vào “hoa tay” và óc thẩm mỹ của người học nghề và tiếp thu kinh nghiệm của người truyền nghề.

Việc đẽo tượng cũng có nguyên tắc nhất định, một bức tượng khi hình thành, ngoài việc phản ánh nghệ thuật điêu khắc dân gian, truyền tải những thông tin mang tính chất xã hội của cộng đồng người Gia-rai, về kết cấu lại phải đảm bảo tính vững chắc của hàng rào nhà mồ.. Vì bản thân mỗi cột tượng lại đóng vai trò là những cột chính trong hàng rào, để giữ hàng rào chắc chắn bao quanh nhà mồ. Do vậy khi đẽo tượng bao giờ người Gia-rai cũng chủ động tạo ra một khe hở rộng giữa hai chân của bức tượng hình người, khe hở giữa chân và đuôi tượng chim, khe hở giữa hai chân trước và hai chân sau của tượng thú bốn chân. Khe hở đó là nơi xuyên một thanh gỗ dài chạy qua, giống như hệ thống mộng giàng để giữ tất các cột tượng với nhau, và giữ các cột phụ chôn sát cột chính liên kết tạo thành hàng rào.

Quá trình người Gia-rai đẽo tượng, đặc biệt là bức tượng người ôm mặt (*kra-kôm*), loại tượng được coi là lớp tượng cổ nhất, có thể mô tả như sau: đầu tiên, người thợ dùng rìu, đẽo lấy phần ngực của bức tượng, phân bị đẽo lõm vào của khúc gỗ chính là ngực của bức tượng, sau đó người thợ dùng rìu tạc lấy hai tay của bức tượng người ôm mặt, bằng những nhát búa trên thân gỗ, hai mảng nổi tiếp giáp nhau là chỗ khuỷu tay và đầu gối sẽ tạo thành một hình thể của người ôm mặt. Khuôn mặt tượng được phật phẳng, chỗ trán tượng được nhô hơn so với mặt tượng, hai tai được đẽo bằng đường bẻ lượn vòng của rìu, phần mắt được khoét bằng với vài nhát đơn giản, sống mũi của tượng nhô lên khi phật bằng bề mặt tượng. Trước khi hoàn tất công việc, người đẽo dựng đứng bức tượng lên quan sát xem các chi tiết nào trên tượng cần phải sửa chữa. Theo xu thế hiện đại, người ta tu chỉnh mắt, mũi, miệng, tai tượng, với cây chà gạc nhỏ bé. Với các bức tượng có hình dáng khác như: tượng người đánh trống, tượng nam nữ ái ân, tượng chim, thú...cũng được thực hiện theo nguyên tắc trên. Những bức tượng mồ Gia-rai Aráp được đẽo dựng tại hàng rào ngôi nhà mồ của Bảo tàng về kỹ thuật đẽo vẫn giữ nguyên các yếu tố truyền thống như kỹ thuật mà họ vẫn thực hiện tại Tây Nguyên.

3. Tính nghệ thuật thể hiện trong tượng mồ

Khi quan sát những bức tượng mồ, người xem có thể nhận ra hình thể của từng bức tượng, qua bàn tay của người nghệ nhân, đều xuất phát từ thân gỗ tròn, vốn là hình dạng ban đầu của mỗi thân tượng. Bằng thủ pháp dùng mảnh khối, người Gia-rai chỉ phác hoạ một vài chi tiết trên cơ thể mà làm cho bức tượng bỗng trở nên sống động như có hồn. Khác với tượng của dân tộc Việt, Khmer qua bàn tay của người nghệ nhân tạo thành những bức tượng linh thiêng, đặc biệt khi đặt ở vị trí trang trọng là nơi thờ cúng. Tượng mồ Gia-rai có khác biệt, tượng ra đời từ thiên nhiên, được người Gia-rai đặt trong khung cảnh thiên nhiên, rồi hoà vào thiên nhiên, mặc cho các yếu tố của thời tiết như mưa, nắng, sương gió làm hư hỏng. Khi quan sát tượng mồ với muôn hình, muôn dạng bao quanh lấy ngôi nhà mồ tại khu nghĩa địa, người xem không có cảm giác sợ hãi, cách biệt với thế giới tượng mồ, mà còn cảm nhận được những sinh hoạt quen thuộc vẫn tồn tại và diễn ra hàng ngày trong môi trường sống của người Gia-rai, từ người đi lấy nước, người khóc, người chia cơm lam, người đánh trống... nghệ nhân đem lại cảm giác gần gũi giữa người sống và người chết thông qua thế giới tượng mồ, đồng thời làm tan biến sự sợ hãi của người sống đối với một thế giới khác biệt.

Ở ngôi nhà mồ này, một điểm quan trọng trong nghệ thuật tượng mồ mà người Gia-rai sử dụng là thủ pháp tạo hình, bằng cách dùng các mảnh khối hình học và các đường vạch chéo, vạch thẳng để tạo nên hình nét cho bức tượng. Tuân theo những nguyên tắc nghệ thuật như vậy,

trong truyền thống người Gia-rai không dừng lại ở việc đẽo gọt các chi tiết tỷ mỉ nhằm lột tả thật chính xác tính chân thực của một khuôn mẫu đã định dạng trong thực tế, mà bằng chính mảng khối, người Gia-rai chỉ gọi lên cho người xem những suy nghĩ tiếp theo. Từ một thân gỗ tròn, không lắp ghép, không thêm thắt bất cứ một phần gỗ nào, người Gia-rai đã tạo ra được bức tượng: bằng vài nhát rìu phạt mạnh trên thân gỗ tạo ra một mặt phẳng hình bầu dục đó là khuôn mặt tượng, hai hình cong nổi lên bên hai đầu là tai, phần dưới mặt tượng được vuốt cho nhỏ hơn đó là cổ. Cả khối phẳng bên dưới là thân tượng, các chi tiết như mắt, miệng, mũi, tai chỉ là những mảnh khoét chìm vào thân tượng. Hầu hết các chi tiết nổi của con người như bụng, má, cằm, ngực, vai... không được đẽo nổi trội lên, mà các phần đó được làm dẹt đi. Làm dẹt đi chứ không làm cho biến đi, mất đi, chỉ gọi lên chứ không đi vào tả thực chi tiết, vậy mà những bức tượng mô mà người nghệ sỹ Gia-rai thể hiện vẫn làm cho người xem có nhiều suy tưởng. Có thể nói những bức tượng mô Gia-rai, về mặt nghệ thuật gắn với mỹ thuật nguyên thủy, có rất nhiều điểm giống với các đặc trưng nghệ thuật từ thời cổ đại của các thị tộc, bộ lạc trên hầu khắp thế giới.

Để làm cho bức tượng mô trở nên ấn tượng, người Gia-rai còn sử dụng đến màu sắc để trang điểm. Màu sắc là một yếu tố cơ bản tham gia vào nghệ thuật điêu khắc làm nổi rõ hơn khuynh hướng đa dạng trong tạo hình tượng mô. Trong bảng màu tự nhiên của người Gia-rai có đầy đủ các sắc màu: vàng, đen, trắng, đỏ, xanh... các sắc màu này được lấy ngay từ thiên nhiên trong môi trường sống của họ. Quan sát cách tạo hoa văn trên y phục sẽ thấy người Gia-rai sử dụng màu sắc một cách hết sức linh hoạt. Từ màu sắc y phục đến màu sắc trên các công trình mang tính chất tôn giáo, người Gia-rai thiên về dùng màu đỏ, màu đỏ vẫn là màu chính, màu chủ đạo, màu đỏ được sử dụng vẽ hoa văn trên mái nhà mô, tô điểm cho các hoa văn được đục thủng trên nóc mái... Màu đỏ lại một lần nữa được dùng tô điểm cho tượng nhà mô. Màu đỏ được người Gia-rai tạo ra bằng cách lấy chất bột của một loại đá non (*khor*) rồi hoà với nhựa của cây *po-pe* để tạo thành thể keo có màu đỏ nhạt, rồi dùng thanh tre đập đập làm bút vẽ cho tượng. Tại một số ngôi nhà mô ở làng Kép xã Iamông huyện Chư Pảh tỉnh Gia-lai, người Gia-rai trong khi trang trí cho các cột tượng còn lấy ngay máu của trâu, bò- con vật hiến sinh trong lễ bỏ mả- để bôi lên cột tượng. Ngoài màu đỏ, màu đen cũng được sử dụng để trang trí, màu đen được làm ra bằng cách dùng than củi giã nhỏ, trộn với nước thành thứ nước đen, dùng bút tre vẽ lên thân tượng. Màu đỏ thường được người Gia-rai trang điểm trên các bộ phận như cùi tay, khuỷu chân, đầu gối, màu đen trang trí các bộ phận như tóc, mắt, miệng tượng.

Nghệ thuật tượng mô còn bắt nguồn từ bản thân sự sống động của mỗi bức tượng. Loại trừ tượng ôm mặt ở tư thế tĩnh còn hầu hết các bức tượng khác đều diễn tả các trạng thái động của con người. Người Gia-rai khi tạc tượng đã làm cho cho từng bức tượng trở nên sinh động như có hồn. Người xem nếu đã một lần đến buôn làng của người Gia-rai, được dự lễ bỏ mả, khi chiêm ngưỡng tượng sẽ có cảm giác như mình đang có mặt tại chính buôn làng của họ với các hoạt động quen thuộc của con người diễn ra trong lễ hội bỏ mả. Nghệ thuật chính là đem đến sự gắn gũi thân thuộc của cuộc sống đời thường vào trong tác phẩm nghệ thuật một cách tự nhiên.

4. Tên gọi và ý nghĩa của một số lớp tượng mô

Số lượng tượng bao quanh ngôi nhà mô Gia-rai A ráp tại bảo tàng gồm 27 bức, chia thành 5 lớp, ở mỗi lớp tượng chúng tôi cố gắng nêu lên tên gọi và cách giải thích.

Lớp tượng thứ nhất : Tượng hình người ôm mặt (*Kra-kôm*)



Hình 1a. Tượng người ôm mặt (mặt trước)

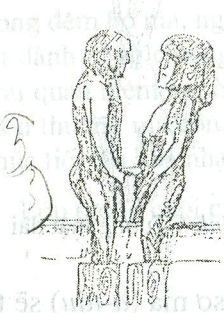


Hình 1b. Tượng người ôm mặt (mặt nghiêng)

Lớp tượng ôm mặt gồm có 5 bức, trong đó có 4 bức được chôn ở bốn góc nhà mồ, mặt tượng quay theo 4 hướng đông, tây, nam, bắc, riêng mặt phía đông của ngôi nhà mồ có thêm 1 tượng ở chính giữa hàng rào. Tượng ôm mặt (*kra-kôm*) (h1a), (h1b), tư thế ngồi xổm, hai khuỷu tay chống lên hai đầu gối và hai bàn tay ôm lấy má. Về vị trí chôn tượng mang tính phổ biến giống như bất cứ ngôi nhà mồ A ráp nào ở Tây Nguyên là cách chôn tượng ôm mặt ở 4 góc nhà mồ. Theo các tài liệu nghiên cứu, lớp tượng này được coi là lớp tượng cổ nhất, xoay quanh bức tượng ôm mặt có nhiều cách giải thích khác nhau. Những người địa phương gọi tượng là *kra-kôm*, *kra* theo tiếng Gia-rai nghĩa là con khỉ, theo đồng bào giải thích đó chính là nô lệ (*hlum*) thường được chôn theo người chết, sau này người ta không chôn theo nô lệ nữa mà thay thế bằng tượng gỗ. Chúng tôi thì cho rằng, ý nghĩa của lớp tượng ôm mặt lại xuất phát ngay từ tập quán thăm nuôi mả của người Gia-rai. Theo phong tục, khi chưa làm lễ bỏ mả cho người chết, hàng ngày người thân trong gia đình phải mang cơm, nước ra mộ để nuôi mả, nghĩa là đem cơm nước cho người chết ăn, uống. Người thân ngồi khóc, kể lại những kỷ niệm của người chết khi còn sống. Lúc khóc người ta thường ngồi xổm, hai tay chống hai đầu gối, bàn tay ôm lấy má của mình, tư thế này được coi là phổ biến trong bất cứ khu nghĩa địa nào của người Gia-rai ở Tây Nguyên. Việc thăm nuôi mả chỉ được kết thúc khi người ta tiến hành nghi lễ bỏ mả để giải thoát cho ma của người chết về với tổ tiên. Để chuẩn bị cho cuộc chia tay vĩnh viễn đó người chủ hộ thường đeo lấy tượng có tư thế ôm mặt rồi dựng tại nhà mồ, coi nó như một người trong gia đình, hàng ngày vẫn đến thăm nuôi, ngồi bên mộ buồn khóc người đã chết.

Lớp tượng thứ 2: lớp tượng liên quan đến tín ngưỡng phồn thực với hai ba dạng biểu hiện : nam nữ giao hợp, đàn ông, đàn bà khoe bộ phận sinh dục, đàn bà chữa.

Chúng tôi liệt kê ra đây số tượng mang dấu ấn tín ngưỡng phồn thực, ở hàng rào mặt phía đông của nhà mồ này có: 3 cặp nam nữ giao hợp (*đơ-mơi-tui-sang*), 1 tượng đàn bà chữa (*gra-bor-bi-mau-cây*), mặt phía tây có: 1 tượng đàn bà chữa (*gra-bor-bi-mau-cây*), một tượng đàn ông khoe sinh thực khí (*rúp-dak-kong*), 1 tượng phụ nữ cởi truồng (*gra-lâu-hyôn*), mặt phía nam: 1 tượng đàn bà chữa (*gra-bor-bi-mau-cây*), mặt phía bắc có: một tượng đàn bà ở truồng (*gra-lâu-hyôn*), 1 đàn ông khoe sinh thực khí (*rú-dak-kong*). Như vậy có tới 14 bức tượng liên quan đến tín ngưỡng phồn thực trong tổng số 27 bức tượng. Những bức tượng kiểu này tương đối mang tính phổ biến ở nhà mồ của nhóm Gia-rai A ráp. Trên thực tế, ngôi nhà mồ làng Kép, xã Iamnông, huyện Chupah, tỉnh Gia Lai được dân địa phương bỏ vào tháng 3 năm 1997, trong tổng số 30 tượng diễn tả đời sống của người Gia-rai có tới 5 cặp tượng thể hiện cảnh nam nữ giao hợp.



Hình 2. Tượng nam nữ giao hợp.



Hình 3. Tượng đàn ông khoe sinh thực khí



Hình 4. Tượng đàn bà ở trường



Hình 5. Tượng đàn bà chửa

Trước đây những nghiên cứu về Tây Nguyên cho thấy, trên các cột *kút* và cột *klao* ở nhà mồ thuộc nhóm Gia-rai khác thường có trang trí cặp ngà voi tượng trưng cho cặp vú, dưới cặp vú - ngà voi thường được khắc hình âm vật cách điệu dưới dạng các hình hoa thị, chữ thập, cũng trên các cặp cột này luôn luôn có hình cặp đùi, háng, bẹn và âm vật bà Hokroi, biểu tượng của phồn thực của cư dân nông nghiệp⁴. Nhưng cặp tượng, bức tượng mà chúng tôi nêu ra đây không còn tính cách điệu nữa mà những chi tiết liên quan đến bộ phận sinh dục đều được đặc tả và phóng đại, đặc biệt là bức tượng đàn ông hoặc đàn bà ở trường (h3, h4). Vì vậy, ở những ngôi nhà mồ thuộc nhóm Gia-rai Aráp ta còn tìm được một hình tượng nghệ thuật đặc biệt, đó là mối quan hệ giữa những quan niệm về tang ma với biểu tượng phồn thực. Những cặp tượng nam nữ giao hoan (h2) được khắc họa một cách tự nhiên với nhiều tư thế. Xuất phát từ tư duy trực quan, từ mối liên hệ nhân quả của các sự kiện, hiện tượng trong cuộc sống, sau khi khắc họa những cặp tượng giao hợp của đôi nam nữ, người thợ Gia-rai đã đeo tượng đàn bà chửa (hình 5) thể hiện hệ quả tất yếu của hoạt động tính giao. Những bức tượng nam nữ giao hợp, nam nữ phô bày bộ phận sinh dục, đàn bà chửa được chôn ngay trên mộ của người chết, không đơn thuần chỉ là để làm cho không khí nhà mồ thêm vui nhộn trong buổi lễ bỏ mả như cách giải thích của một số người Gia-rai, mà nó còn gắn liền với một niềm tin về sự chấm dứt của cái chết và sự bắt đầu của một cuộc sống mới, vượt lên cái chết là những hoạt động nhằm sinh sôi nảy nở cuộc sống mới, tạo ra những mầm mống phôi thai của một cuộc sống mới. Có thể nói, lớp tượng này là một bằng chứng mạnh mẽ, có tính thuyết phục khẳng định tín ngưỡng phồn thực của người Gia-rai Aráp đã tồn tại trong của lịch sử tộc người này với những dạng biểu hiện cơ bản: cơ quan sinh dục nam nữ, bản thân hành vi giao phối và kết quả của việc giao phối. Cho nên, không có gì đáng ngạc nhiên, trong những đêm diễn ra lễ hội bỏ mả, theo một số người già đã từng tham gia lễ hội bỏ mả cánh đây mấy chục năm cho biết, từng là những đêm hoàn toàn tự do đối với nam nữ chưa vợ chồng. Lễ hội bỏ mả còn được coi như ngày giải phóng đối với đàn ông góa vợ, đàn bà góa chồng thoát khỏi sự giàng buộc vợ - chồng với người đã chết, sau lễ hội này người ta có thể kết hôn với người khác mà không sợ phạm vào điều cấm kỵ của luật tục. Đúng như nhận xét: “đây là thời điểm giao thoa giữa Chết và Sống, từ Chết trở về với Sống, giữa cảnh Chết mà chuẩn bị cho cuộc Sống. Cũng vậy, về đôi nam nữ trần trường thường chiếm vị trí quan trọng nhất giữa các tượng bao quanh “nhà ma.”⁵”

Lớp tượng thứ 3 : Tượng người mặt dài (*nuih- ha-bok-ró*).

Tượng được thể hiện với hình dáng người không có thân, cổ hình cây rau dớn(*ktoanh*), khuôn mặt được đẽo dài. Mặc dù ở ngôi nhà mồ này chỉ có một tượng mặt dài nhưng chúng tôi vẫn xếp vào 1 lớp tượng riêng biệt. Bước đầu tìm hiểu chúng tôi nhận biết đây là tượng liên quan đến nghi thức cuối cùng của lễ hội bỏ mả. Người ta cho biết bức tượng này chính là biến thể của *bram*, người được hoá trang và rời khỏi nhà mồ cuối cùng trong lễ hội bỏ mả. Theo phong tục địa phương *bram* thường là hai thanh niên khỏe mạnh, mặc áo lá chuối, trát đầy bùn đầy người, đầu cắm lông chim, luôn nhảy múa quanh nhà mồ. Vì theo quan niệm của người Gia-rai bỏ



Hình 6 Tượng mặt dài

mả là ngày vui cuối cùng với người chết, ngày vui sắp hết, người ta sợ ma (*a-tâu*) sẽ theo người thân về làng phá rối cuộc sống yên lành của người sống, nên dân làng đã hoá trang ra những hình người *bram* góm ghiec để ma sợ hãi, không nhận ra người thân, người cùng làng theo về. Những *bram* này phải rời khỏi nhà mồ trước khi mặt trời lặn vì ở cõi âm ngày là đêm, ánh sáng trên cõi dương chưa kịp tắt vẫn là đêm tối mông lung ở cõi âm, vì vậy mà ma cũng chẳng nhớ đường trở về làng của người sống. Sau cùng để cho thật sự yên tâm, phòng tránh khả năng ma theo người về làng quấy phá người sống, trong khi đẽo tượng người ta đẽo lấy một hình người mặt dài mô phỏng hình ảnh của *bram* rồi chôn ở nhà mồ, coi tượng *bram* như một thứ bùa áng ngữ lối về của ma. Chúng tôi cũng chưa tìm được cách giải thích nào có tính thuyết phục hơn về lớp tượng này, đây vẫn là vấn đề tồn nghi?.

Lớp tượng thứ 4: diễn tả đời sống sinh hoạt của người Gia-rai



Hình 7. Con gái chia cơm lam



Hình 8. Tượng người đánh trống

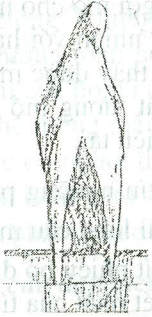
Là lớp tượng ra đời muộn hơn, tượng diễn tả những sinh hoạt thường ngày của người dân Gia-rai. Từ cuộc sống, thông qua ngôn ngữ tạo hình, hoạt động của con người đi vào trong tác phẩm điêu khắc một cách tự nhiên, gợi cảm. Đặc biệt là những bức tượng thể hiện những hoạt động của con người trong đêm lễ hội bỏ mả.

Tượng cô gái chia cơm lam (*gra -nhá- brong- kuach*), được gắn với bữa ăn bỏ mả truyền thống của người Gia-rai, một bữa ăn có tính cộng đồng lớn nhất. Trong bữa ăn bỏ mả, tất cả mọi người đến dự lễ đều được ăn, được uống, được mang phần về nhà mình. Từ tối hôm trước của ngày bỏ mả chính (ngày vỡ *-pchã*), món cam lam, hay còn gọi là món cơm nướng trong ống(*brong- kuach*) thường được những cô gái Gia-rai trẻ chuẩn bị trong gùi, hoặc ôm vào lòng đem chia cho những người dự lễ bỏ mả đang nhảy múa xung quanh ngôi nhà mồ.

Tượng người đánh trống (*poh- gor-pah*), tượng này thể hiện cách diễn xướng tổng hợp về âm nhạc và dân vũ của người Gia-rai. Từ rất sớm, tộc người Gia ra i đã có truyền thống sử dụng

cong, chiêng, trống làm nhạc cụ. Kèm theo âm nhạc là nhảy múa, vũ điệu thường được phối hợp nhịp nhàng với tiết tấu của bản nhạc, do vậy bức tượng người đánh trống không chỉ diễn tả một động tác đơn thuần là đánh trống, mà tư thế nhảy múa cũng được khắc họa sinh động. Trên thực tế, trong đêm bỏ ma, người đánh trống thường đi đầu, là người giữ vai trò khai nhạc, sau mới đến người đánh công chiêng, cả dàn nhạc vừa chơi nhạc vừa nhảy múa xung quanh nhà mồ. Người Gia-rai quan niệm người chết sẽ tiếp tục “sống” ở thế giới tổ tiên, do vậy bỏ ma không có nghĩa là buồn thương mà còn là sự mong ước bất tử của con người. Âm nhạc trong lễ bỏ ma, lúc sắp kết thúc tiết tấu bản nhạc trở nên rộn rã trầm hùng mất đi cảm giác bi lụy.

Lớp tượng cuối cùng: tượng chim thú.



Hình 9. Tượng chim chủ



Hình 10. Tượng chó công khí

Ngoài tượng người, tượng chim thú cũng là một chủ đề mà người Gia-rai thường đeo khi dựng nhà mồ. Chính sự xuất hiện của loại hình tượng này đã làm cho tượng có trong nhà mồ thêm phong phú và đa dạng. Theo người dân địa phương, tượng chim chủ (*kơ-pôh-pôm*) được coi là vua của nhà mồ, mỗi khi dân làng chuẩn bị lễ bỏ ma thì chim thường bay về đậu tại khu nghĩa địa và cất tiếng kêu *tu tit, tu tit*, người ta coi đây là một dấu hiệu tốt lành để tiến hành nghi lễ bỏ ma cho đúng mùa. Một số cụ già ở xã Iam nông kể lại theo truyền thuyết cổ làng của ma ở phía tây nơi mặt trời lặn (*hroilek*) và vị trưởng làng là con chim ó, vị phó làng là con khỉ gió (*kra-le*) cai quản các ma. Do vậy ở những ngôi nhà mồ người ta thường tạc tượng chim chủ này và chôn ở mặt phía tây của nhà mồ và coi bức tượng chim *Kơ-pôh-pôm* như một vị thần bảo vệ lấy ngôi nhà mồ, bảo vệ *ơ-tâu*.

Từ quan niệm bỏ ma là buổi lễ cuối cùng để chia tay với ma, sau lễ bỏ ma, ma sẽ có một cuộc sống mới tại “làng ma” của mình, nên không khí trong lễ hội được người Gia-rai tổ chức thật sự phấn khích. Tượng chó công khí (*sâu koi krà*) nằm trong nội dung diễn tả niềm vui đó. Khi hỏi chuyện những người thợ đeo tượng thì họ cho biết, trên thực tế trong lễ hội bỏ ma không có sự xuất hiện của chó và khỉ, mặc dù đây là hai con vật quen thuộc đối với đồng bào Gia-rai.

Nhưng để làm cho không khí sôi động, người thợ đeo tượng sáng tạo ra bức tượng “chó công khí” ở tư thế rất ngộ nghĩnh, tinh nghịch như ngâm nói: lễ hội bỏ ma vui, có đông người đến dự, những con vật không thể chen được vào, vậy muốn xem chỉ còn cách cuồi lên đầu nhau. Từ tác phẩm nghệ thuật này ta còn thấy được sức sáng tạo và tâm hồn phóng khoáng của người Tây Nguyên.

Trong những năm gần đây loại hình tượng nhà mồ có nhiều thay đổi, bên cạnh những lớp tượng được coi là cổ đã xuất hiện nhiều kiểu tượng phản ánh cuộc sống mới của người Gia-rai. Vào khu nhà mồ của một làng Gia-rai ta mới cảm nhận được hết điều thú vị này. Sau này, người ta còn có thể thấy tượng lính Mỹ, tượng cô đầm, học sinh đi học, người đá bóng... với nét tạc khắc tả thực khá tinh vi. Song, bên cạnh đó lớp tượng được coi là cũ về mặt phong cách, vẫn được bảo tồn. Ngôi nhà mồ của nhóm Gia-rai A rắp hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam là một điển hình cho phong cách tượng cổ này.

5. Một vài nhận xét ban đầu

Thông qua những tượng mô Gia-rai có thể đưa ra một số nhận xét ban đầu như sau:

Người Gia-rai khi đẽo tượng đã sử dụng kỹ thuật đẽo gọt thô sơ là những nhát bở thô ráp mọc mạc, các nét vạch ngang, vạch chéo hình học sơ lược, với dụng cụ đơn giản là chiếc rìu và cây chà-gạc, kỹ năng tạc tượng chỉ dựa vào kinh nghiệm. Mùa làm tượng được tiến hành vào mùa khô trùng với dịp bỏ mả, người Gia-rai truyền nghề tạc tượng theo lối truyền tay, việc tiếp thu kinh nghiệm phụ thuộc vào khả năng của người học việc.

Nghệ thuật tượng mô về cơ bản là sử dụng thủ pháp dùng mảng kết hợp với khối để miêu tả, không đi vào lối đẽo gọt các chi tiết thật tỷ mỉ chính xác, mà chủ yếu chỉ gợi mở cho người xem những suy nghĩ tiếp theo. Màu sắc dùng trang trí tượng được lấy trong tự nhiên với hai màu cơ bản là đen và đỏ. Từ nghệ thuật tượng mô của người Gia-rai ta có thể tìm thấy được mối liên hệ với nghệ thuật nguyên thủy của một số dân tộc trong lịch sử. Nghệ thuật tượng mô còn là sự phản ánh sinh động những hoạt động của người Gia-rai trong quá khứ và hiện tại.

Một trong những ý nghĩa chủ đạo của lớp tượng nhà mô đó chính là tín ngưỡng phồn thực, giống như bất cứ cư dân nông nghiệp vùng Đông Nam Á nào, người Gia-rai luôn cầu mong được mùa. Tượng nam nữ giao hợp được người Gia-rai thể hiện một cách đặc tả ít nhiều bỏ đi tính ước lệ cách điệu, chiếm một số lượng khá lớn trong nhà mô là biểu hiện đậm nét nhất của tín ngưỡng này. Những bức tượng mô chứa đựng các thông số về tập quán, những sinh hoạt trong đời sống, nhất là trong buổi lễ bỏ mả được khắc hoạ thật sinh động. Tượng mô là một nét văn hoá độc đáo của người Gia-rai và một số dân tộc khác ở Tây Nguyên nước ta.

Về mặt nghệ thuật, người nghiên cứu có thể qua tượng mô mà tìm hiểu nghệ thuật nguyên thủy của loài người. Tượng mô phản ánh rõ nét trình độ thẩm mỹ của người Gia-rai. Hơn thế nữa, còn nói lên trình độ tư duy của dân tộc, qua tượng mô ta thấy tư duy của người Gia-rai đã ở trình độ cao, mạch lạc, sống động. Tượng mô nói lên thái độ của người Gia-rai trước cái chết, quan niệm của họ về cái sống và cái chết, về thế giới vĩnh hằng bên kia. Nó nói lên tình cảm sâu đậm, thương tiếc của họ với người thân trong cộng đồng gia đình, dòng họ đã khuất núi. Tượng mô còn có một giá trị khác là phản ánh cuộc sống đời thường của dân tộc. Đời thường có sự thay đổi nào, thì những nét mới được thể hiện kịp thời trong các hình tượng nghệ thuật khắc gỗ này. Vì vậy tượng mô là những tư liệu vật thể chân thực để nghiên cứu lịch sử tộc người.

Giá trị văn hoá và giá trị lịch sử làm cho tượng mô từ lâu đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà khoa học thuộc các ngành xã hội và nhân văn ở trong nước và thế giới. Nó là di sản văn hoá quý báu không chỉ riêng của Việt Nam, của Đông Nam Á mà còn là của nhân loại. Nó hứa hẹn nhiều khám phá mới về lịch sử tộc người và văn hoá tộc người trong thời gian tới.

Chú thích

1. Giác Đức, *Hình người trong nghệ thuật tang ma*, tập 8 số 2, 1968, Pa-ri.
 2. Ngô Văn Doanh, *Nhà mô và tượng mô Gia-rai-Bohmar*, Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Gia Lai và Viện Đông Nam Á.
 3. Ngô Văn Doanh, *Nhà mô và....* Sđd, tr 97.
 4. Phan Cẩm Thượng, Nguyễn Tấn Cứ, *Điều khắc tượng mô Tây Nguyên*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội 1995, tr. 25.
 5. Nguyễn Từ Chi, *Góp phần nghiên cứu văn hoá tộc người*, Nxb Văn hoá thông tin và Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, H., 1996, tr 501.
- * Trong bài viết chúng tôi có sử dụng hình vẽ của kiến trúc sư Phó Cường Thăng.